

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 47/2024/DS-ST
Ngày 26/4/2024
Về việc “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH TÂY NINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Song Tô Như
- Các Hội thẩm nhân dân:
 - + Ông Đoàn Tấn Tiên;
 - + Bà Trần Mỹ Trang.
- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Mai – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Võ Công Đức – Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 542/2023/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2024/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2024/QĐST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phan Thanh T, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp Xóm Mới 1, xã Trí Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh; (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Cẩm T1, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Anh Nguyễn Minh T2, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp H, xã S, Huyện D, tỉnh Tây Ninh;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị H, sinh năm 1968; địa chỉ: ấp H, xã S, Huyện D, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - Anh Phan Thanh T trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên anh Phan Thanh T có cho vợ chồng chị Nguyễn Thị Cẩm T1 và anh Nguyễn Minh T2 vay tiền 02 lần, cụ thể như sau:

Lần đầu, chị T1, anh T2 vay số tiền 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng vào ngày 08/8/2020. Khi vay, hai bên có lập văn bản nhưng chỉ ghi số tiền vay, không ghi lãi và thời hạn trả. Hai bên thỏa thuận miệng thời hạn trả trong vòng 03 tháng, lãi suất tính theo mức 50.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng. Anh T đã giao tiền mặt, giao 01 lần tại nhà anh Nguyễn Chí C, có sự chứng kiến của bà Trần Thị H, là mẹ ruột của anh T2. Chị T1 có giao cho anh T giữ bản chính Giấy CNQSDĐ đối với thửa đất số 216, tờ bản đồ số 65, diện tích 161,7m², tọa lạc tại xã S, Huyện D, tỉnh Tây Ninh, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp GCNQSDĐ số CV585770 ngày 16/7/2020 cho chị Nguyễn Thị Cẩm T1, mục đích để làm tin.

Lần thứ hai, anh T2, chị T1 vay số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng vào ngày 14/11/2020. Khi vay, hai bên có lập văn bản, nhưng chỉ ghi số tiền vay, không ghi lãi và thời hạn trả. Hai bên thỏa thuận miệng thời hạn trả trong vòng 03 tháng, lãi suất tính theo mức 50.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng. Anh T giao tiền mặt tại nhà của anh T, giao 01 lần, không có ai chứng kiến. Lần cho vay thứ hai chỉ có anh T2 ký tên vào giấy mượn tiền nhưng anh T2 cho biết cũng vay tiền để vợ chồng anh T2, chị T1 làm ăn.

Tổng cộng, anh T2, chị T1 đã vay anh T số tiền 270.000.000 (hai trăm bảy mươi triệu) đồng.

Theo đơn khởi kiện, anh T khởi kiện đối với anh T2, chị T1, yêu cầu anh T2, chị T1 trả lại cho anh số tiền nợ gốc là 270.000.000 (hai trăm bảy mươi triệu) đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, anh T2 đã trả cho anh T số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng nên anh T xác định anh T chỉ khởi kiện yêu cầu anh T2, chị T1 trả lại cho anh T số tiền nợ gốc là 260.000.000 (hai trăm sáu mươi triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi đối với anh T2, chị T1.

Đối với bà H – người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, bà H có ký tên vào mục người thừa kế trong giấy vay tiền ngày 08/8/2020. Tuy nhiên, anh T xác định chỉ cho anh T2, chị T1 vay tiền, mục đích để làm ăn. Bà H ký tên với tư cách người chứng kiến sự việc nên anh T không khởi kiện hay yêu cầu gì đối với bà Trần Thị H.

Quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Nguyễn Minh T2 trình bày:

Anh T2 thống nhất lời trình bày của anh T về tổng số tiền anh đã vay của anh T là 260.000.000 (hai trăm sáu mươi triệu) đồng, khi vay có lập giấy mượn tiền, hai bên thỏa thuận miệng lãi 50.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng và thời hạn trả trong vòng 01 năm. Tuy nhiên, anh T2 xác định số tiền trên là cá nhân anh vay của anh T, sử dụng vào mục đích kinh doanh cá nhân. Chị T1, bà H không sử dụng gì đối với số tiền này. Bà H chỉ ký tên với tư cách người chứng kiến, chị T1 ký tên bởi vì khi anh T2 vay có giao cho anh T giữ 01 Giấy CNQSDĐ đứng tên chị T1.

Quá trình vay, anh T2 có đóng lãi đầy đủ, vào khoảng ngày 10 – 15 hàng tháng, anh T2 chuyển khoản cho anh T tiền lãi, mỗi tháng 13.500.000 đồng, mỗi lần trả lãi anh T2 không ghi nội dung là tiền lãi hay tiền gốc.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của anh T thì anh T2 xác định nợ là nợ của cá nhân anh T2, không liên quan đến chị T1, bà H, đồng thời, anh T2 đồng ý trả lại cho anh T số tiền 260.000.000 đồng nhưng xin trả dần do hoàn cảnh khó khăn.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị Cẩm T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị H có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại xã S, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ và hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng chị T1, bà H không đến Tòa án làm việc, không tham gia tố tụng và không có văn bản trình bày ý kiến để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán đã ban hành các quyết định, cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật, Thẩm phán đã giải thích đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự. Các đương sự chấp hành quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Nguyễn Minh T2, chị Nguyễn Thị Cẩm T1 có nghĩa vụ trả lại cho anh Phan Thanh T số tiền 260.000.000 (hai trăm sáu mươi triệu) đồng. Ghi nhận anh T không yêu cầu tính lãi. Các đương sự chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về yêu cầu khởi kiện và tư cách tham gia tố tụng: Theo đơn khởi kiện, anh Phan Thanh T khởi kiện vợ chồng chị Nguyễn Thị Cẩm T1 và anh Nguyễn Minh T2 có nghĩa vụ trả lại cho anh T số tiền 270.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối số tiền 10.000.000 đồng nợ gốc và không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Giấy mượn tiền đề ngày 08/8/2020 có chữ ký H, chữ viết Trần Thị H nhưng anh T xác định bà H chỉ là người làm chứng nên không khởi kiện đối với bà H. Do đó, Hội đồng xét xử xác định bị đơn trong vụ án là anh T2, chị T1; bà H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Nếu anh T2, chị T1 và bà H có tranh chấp thì khởi kiện vụ án khác.

[1.2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Anh Phan Thanh T khởi kiện vợ chồng chị Nguyễn Thị Cẩm T1 và anh Nguyễn Minh T2 về hợp đồng vay tài sản, là hợp đồng dân sự, tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là chị Nguyễn Thị Cẩm T1 và anh Nguyễn Minh T2 có hộ khẩu thường trú tại xã S, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Huyện D theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Anh T có mặt, anh T2 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn là chị Nguyễn Thị Cẩm T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật

[2] Về chứng cứ: Tại phiên toà, các đương sự không cung cấp bổ sung tài liệu, chứng cứ mới nên Hội đồng xét xử căn cứ tài liệu chứng cứ các đương sự đã giao nộp và Toà án đã thu thập theo khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về tiền gốc, Anh Phan Thanh T khởi kiện vợ chồng chị Nguyễn Thị Cẩm T1 và anh Nguyễn Minh T2, yêu cầu chị T1, anh T2 trả lại cho anh T số tiền nợ gốc là 260.000.000 (hai trăm sáu mươi triệu) đồng. Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là bản chính 02 giấy mượn tiền đề ngày 08/8/2020 và ngày 14/11/2020, trong đó giấy mượn tiền ngày 08/8/2020 có chữ ký của anh T2, chị T1, thể hiện anh T2, chị T1 có vay anh T số tiền nợ gốc là 250.000.000 đồng; giấy mượn tiền đề ngày 14/11/2020 có chữ ký của anh T2, thể hiện anh T2 có vay anh T số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản lấy lời khai, anh T2 thừa nhận cá nhân anh vay tiền của anh T để mục đích kinh doanh cá nhân, chị T1, bà H không sử dụng gì đối với số tiền này. Xét thấy các đương sự không thống nhất về việc cá nhân anh T2 vay hay anh T2, chị T1 cùng vay tiền của anh T nhưng không đương sự nào cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình về mục đích vay tiền. Hội đồng xét xử nhận thấy khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân và tại thời điểm xét xử sơ thẩm, vẫn chưa có bản án, quyết định có hiệu lực chấm dứt mối quan hệ hôn nhân giữa anh T2, chị T1. Đồng thời, lần vay tiền ngày 08/8/2020, chị T1 có giao cho anh T giữ bản chính Giấy CNQDSĐ đối với thửa đất số 216, tờ bản đồ số 65, diện tích 161,7m², tọa lạc tại xã S, Huyện D, tỉnh Tây Ninh, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp GCNQSDĐ số CV585770 ngày 16/7/2020

cho chị Nguyễn Thị Cẩm T1. Do đó, có căn cứ xác định chị T1 có biết và đồng thuận cùng anh T2 vay tiền của anh T. Hội đồng xét xử xác định có tồn tại giao dịch vay tiền giữa anh T và vợ chồng anh T2, chị T1.

Dựa trên sự thừa nhận của các đương sự về số tiền nợ gốc tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 260.000.000 (hai trăm sáu mươi triệu) đồng, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Nguyễn Minh T2, chị Nguyễn Thị Cẩm T1 có nghĩa vụ trả cho anh Phan Thanh T số tiền nợ gốc là 260.000.000 (hai trăm sáu mươi triệu) đồng.

[3.2] Về tiền lãi, anh T không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.3] Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T xác định ngày 28/02/2024, anh đã hoàn trả lại cho bị đơn bản chính Giấy CNQSDĐ đối với thửa đất số 216, tờ bản đồ số 65, diện tích 161,7m², tọa lạc tại xã S, Huyện D, tỉnh Tây Ninh, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp GCNQSDĐ số CV585770 ngày 16/7/2020 cho chị Nguyễn Thị Cẩm T1. Anh T2, chị T1 không có yêu cầu anh T trả lại bản chính Giấy CNQSDĐ nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Minh T2, chị Nguyễn Thị Cẩm T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 về án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Thanh T đối với anh Nguyễn Minh T2, chị Nguyễn Thị Cẩm T1 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

Anh Nguyễn Minh T2, chị Nguyễn Thị Cẩm T1 có nghĩa vụ trả lại cho anh Phan Thanh T số tiền 260.000.000 (hai trăm sáu mươi triệu) đồng. Ghi nhận anh T không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Minh T2, chị Nguyễn Thị Cẩm T1 phải chịu 13.000.000 (mười ba triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Phan Thanh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho anh T số tiền 6.500.000 (sáu triệu năm trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0014087 ngày 23 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện D

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án dân sự hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện DMC
- Chi cục THADS huyện DMC
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Song Tố Như

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 06/2024/QĐ-SCBSBA

D, ngày 16 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN SƠ THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH TÂY NINH

Căn cứ vào Điều 268 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Xét cần sửa chữa, bổ sung bản án do nhầm lẫn về đánh máy trong Bản án số 47/2024/DS-ST ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh đã xét xử sơ thẩm vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa:

Nguyên đơn: Anh Phan Thanh T, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp Xóm Mới 1, xã Trí Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh;

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Cẩm T1, sinh năm 1989 và anh Nguyễn Minh T2, sinh năm 1987; Cùng địa chỉ: ấp H, xã S, Huyện D, tỉnh Tây Ninh;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị H, sinh năm 1968; địa chỉ: ấp H, xã S, Huyện D, tỉnh Tây Ninh

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa chữa, bổ sung Bản án số 47/2024/DS-ST ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh như sau:

Tại dòng thứ 07 từ dưới lên trên, trang 01 của Bản án đã ghi: “Anh Nguyễn Minh T2, sinh năm 1987 (vắng mặt)”

Nay sửa chữa, bổ sung như sau: “Anh Nguyễn Minh T2, sinh năm 1987 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)”

Tại dòng thứ 19 từ dưới lên trên, trang 04 của Bản án đã ghi: “[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Anh T có mặt”

Nay sửa chữa, bổ sung như sau: “[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt”

Nơi nhận:

- VKSND huyện DMC
- Chi cục THADS huyện DMC
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Song Tố Như

